

Tài liệu minh họa chương trình Bảo hiểm Nhân thọ

Kế hoạch Tài chính dành cho cá nhân với Quyền lợi Bảo hiểm Bệnh Nan Y

Kế hoạch Tài chính dành cho cá nhân với Quyền lợi Bảo hiểm Bệnh Nan Y là chương trình bảo hiểm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết chung được thiết kế theo nhu cầu riêng của Quý khách với quyền lợi bảo hiểm đa dạng, quyền lợi đầu tư an toàn và phương thức đóng phí bảo hiểm chủ động, linh hoạt.



86
BỆNH NAN Y

Bảo vệ toàn diện trước rủi ro về tai nạn và 86 bệnh nan y



100%

Hoàn lại 100% chi phí bảo hiểm rủi ro vào năm 75 tuổi



100% PLUS

Nhận thêm 100% khoản lãi trung bình hàng năm của Giá trị tài khoản trong mỗi 4 năm



0%
PHÍ LÁT SINH

Không phát sinh chi phí trên Tài khoản Tích lũy, mang đến hiệu quả đầu tư và sự linh hoạt cao nhất

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ CHUBB VIỆT NAM (“Chubb Life”) hoạt động kinh doanh Bảo hiểm Nhân thọ và Bảo hiểm Sức khỏe theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 33GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 04/05/2005 và các giấy phép điều chỉnh.

Trụ sở chính: Tầng 21, Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh.

☎ (84-28) 3827 8989

🎧 *8123 hoặc (84-28) 3827 8123

📠 (84-28) 3821 9000

✉ chubblife.vietnam@chubb.com

🏠 <http://life.chubb.com/vn>

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Tuổi	Nhóm nghề nghiệp
Bên mua Bảo hiểm (BMBH)	NGUYEN THI B	NỮ	01/01/1974	45	2
Người được Bảo hiểm (NDBH) 1	NGUYEN THI B	NỮ	01/01/1974	45	2

II. THÔNG TIN SẢN PHẨM BẢO HIỂM THAM GIA

Tên sản phẩm	Mệnh giá Sản phẩm (đồng)	Tuổi của NDBH 1 khi đáo hạn	Phí BH cơ bản (đồng) (*)
Kế hoạch Tài chính dành cho cá nhân với Quyền lợi Bảo hiểm Bệnh Nan Y Lựa chọn A	1.000.000.000	99	33.900.000

Điều kiện Bảo hiểm (**)	NDBH 1
Quyền lợi Bảo hiểm Tử vong	S/S
Quyền lợi Bảo hiểm Tử vong do Tai nạn	S/S
Quyền lợi Bảo hiểm Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn	S/S
Quyền lợi Bảo hiểm Bệnh Nan Y	S/S

Phí BH cơ bản:	33.900.000 đồng
Phí BH đóng năm đầu (dự kiến):	35.000.000 đồng
Phí BH đóng theo kỳ (dự kiến):	35.000.000 đồng
Định kỳ đóng phí:	năm
Thời gian đóng phí (dự kiến):	20 năm

Ghi chú:
(*) Phí BH cơ bản là phí BH tối thiểu mà BMBH phải đóng cho mỗi năm trong 03 Năm hợp đồng đầu tiên.
(**) Điều kiện bảo hiểm: S/S là điều kiện bảo hiểm chuẩn, còn lại là điều kiện tăng phí bảo hiểm.

III. GIẢI THÍCH QUYỀN LỢI BẢO HIỂM (QLBH)

Quyền lợi Bảo hiểm	Sự kiện Bảo hiểm	Số tiền Bảo hiểm chi trả (đồng)
Quyền lợi Duy trì Hợp đồng	Ngày đáo niên của Năm hợp đồng thứ 4 và mỗi 4 Năm hợp đồng sau đó	100% khoản lãi trung bình hàng năm của Giá trị Tài khoản Hợp đồng (GTTKHD) trong 4 Năm hợp đồng trước đó (1).
Quyền lợi Tuổi vàng	NĐBH 1 đạt 75 Tuổi bảo hiểm	100% tổng Phí bảo hiểm rủi ro đã khấu trừ
QLBH Bệnh Nan Y	Mắc Bệnh Nan Y giai đoạn sớm (2)	250.000.000 (4)
	Mắc Bệnh Nan Y giai đoạn muộn (2)	500.000.000 (4)
QLBH Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn	Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn (2)	Tổng của: (i) giá trị lớn nhất của Giá trị Tài khoản Cơ bản hoặc 1.000.000.000 (4) sau khi trừ đi Số tiền Bảo hiểm đã chi trả cho QLBH Bệnh Nan Y (nếu có), cộng với (ii) Giá trị Tài khoản Tích lũy.
QLBH Tử vong	Tử vong	Tổng của: (i) giá trị lớn nhất của Giá trị Tài khoản Cơ bản hoặc 1.000.000.000 (4) sau khi trừ đi Số tiền Bảo hiểm đã chi trả cho QLBH Bệnh Nan Y (nếu có), cộng với (ii) Giá trị Tài khoản Tích lũy.
QLBH Tử vong do Tai nạn	Tử vong do Tai nạn (3)	Chi trả thêm 500.000.000 (4)
Quyền lợi Đáo hạn	Ngày đáo hạn HĐBH	Giá trị Tài khoản Hợp đồng

- (1) Tương đương với 25% tổng các khoản lãi đã tính cho GTTKHD trong 4 Năm hợp đồng trước đó.
- (2) Chi trả khi NĐBH 1 được chẩn đoán mắc Bệnh Nan Y, bị Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn trước khi đạt 75 Tuổi bảo hiểm.
- (3) Chi trả khi NĐBH 1 tử vong do Tai nạn trước khi đạt 70 Tuổi bảo hiểm.
- (4) Nếu sự kiện bảo hiểm xảy ra khi NĐBH 1 nhỏ hơn 4 Tuổi bảo hiểm, Mệnh giá Sản phẩm sẽ được điều chỉnh giới hạn theo tuổi tại thời điểm đó.
- Chi tiết về quyền lợi bảo hiểm và điều kiện chi trả được quy định cụ thể trong Bản Quy tắc và Điều khoản của HĐBH.

IV. QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ - QUỸ LIÊN KẾT CHUNG

1. Quyền lợi Đầu tư: BMBH được hưởng quyền lợi từ kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung (“Quỹ LKC”). Quyền lợi này sẽ được đưa vào GTTKHĐ dưới hình thức tính lãi hàng tháng theo mức Lãi suất công bố.

2. Rút tiền từ Giá trị Tài khoản Hợp đồng:

2.1. Rút tiền từ Giá trị Tài khoản (“GTTK”) Tích lũy: BMBH có thể rút tiền vào bất kỳ lúc nào trong thời gian HĐBH đang có hiệu lực, và không phải chịu phí rút tiền.

2.2. Rút tiền từ GTTK Cơ bản: Sau khi đã rút toàn bộ GTTK Tích lũy, BMBH có thể rút tiền mặt từ GTTK Cơ bản lên đến 80% Giá trị Hoàn lại của tài khoản này. Sau khi BMBH rút tiền từ GTTK Cơ bản, Mệnh giá Sản phẩm sẽ được điều chỉnh: (i) giảm tương ứng với số tiền đã rút (nếu GTTK Cơ bản trước khi rút nhỏ hơn Mệnh giá Sản phẩm) hoặc (ii) bằng với GTTK Cơ bản sau khi rút (nếu GTTK Cơ bản trước khi rút lớn hơn hoặc bằng Mệnh giá Sản phẩm và GTTK Cơ bản sau khi rút nhỏ hơn Mệnh giá Sản phẩm). BMBH phải chịu Phí rút tiền từ GTTK Cơ bản là 3% tính trên tổng số tiền rút ra và được trừ vào GTTK Cơ bản.

V. BẢNG MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ

MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ VỚI CÁC MỨC LÃI SUẤT														Đơn vị tính: nghìn đồng	
Năm HD	Tuổi NDBH 1	Phí BH dự kiến /Năm	Phí phân bố vào Quỹ LKC	LÃI SUẤT ĐẢM BẢO (Quyền lợi đảm bảo)				LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH 6%/NĂM			LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH 8%/NĂM			Rút tiền mặt	
				Khoản Khấu trừ trong Năm HD	GTTK Cơ bản	GTTK Tích lũy	Giá trị Hoàn lại	GTTK Cơ bản	GTTK Tích lũy	Giá trị Hoàn lại	GTTK Cơ bản	GTTK Tích lũy	Giá trị Hoàn lại		
1	46	35.000	7.880	4.529	2.381	1.133	1.133	2.513	1.166	1.166	2.601	1.188	1.188	-	
2	47	35.000	21.440	4.911	18.413	2.300	2.300	19.156	2.402	2.402	19.657	2.471	2.471	-	
3	48	35.000	28.220	5.281	41.532	3.502	11.134	43.607	3.712	13.419	45.020	3.857	14.977	-	
4	49	35.000	35.000	5.629	73.021	4.825	52.421	78.497	5.276	58.348	82.276	5.592	62.443	-	
5	50	35.000	35.000	6.014	104.027	6.103	93.180	112.983	6.760	102.793	119.278	7.229	109.557	-	
6	51	35.000	35.000	6.405	135.556	7.420	134.501	149.139	8.332	148.995	158.846	8.995	159.366	-	
7	52	35.000	35.000	6.872	167.557	8.775	176.332	187.016	9.997	197.013	201.152	10.903	212.055	-	
8	53	35.000	35.000	7.245	204.652	10.408	215.060	236.572	12.285	248.857	260.212	13.706	273.918	-	
9	54	35.000	35.000	7.673	237.932	11.854	249.786	279.068	14.190	293.258	310.134	15.994	326.127	-	
10	55	35.000	35.000	8.144	271.711	13.343	285.054	323.683	16.208	339.891	363.675	18.461	382.136	-	
11	56	35.000	35.000	8.574	303.057	14.732	317.789	370.676	18.346	389.022	421.306	21.126	442.432	-	
12	57	35.000	35.000	8.972	341.562	16.483	358.045	440.216	21.595	461.811	512.983	25.479	538.462	-	
13	58	35.000	35.000	9.206	373.686	17.936	391.622	494.213	24.061	518.274	583.040	28.711	611.751	-	
14	59	35.000	35.000	9.501	406.134	19.417	425.550	551.398	26.670	578.068	658.854	32.196	691.050	-	
15	60	35.000	35.000	9.732	438.997	20.927	459.924	612.180	29.437	641.616	741.209	35.960	777.168	-	
16	61	35.000	35.000	9.972	477.735	22.726	500.461	710.147	33.962	744.109	883.193	42.561	925.754	-	
17	62	35.000	35.000	10.226	509.021	24.184	533.205	781.638	37.172	818.809	985.964	47.164	1.033.127	-	
18	63	35.000	35.000	10.451	540.530	25.664	566.193	858.034	40.568	898.602	1.097.436	52.125	1.149.560	-	
19	64	35.000	35.000	10.877	572.081	27.165	599.246	939.803	44.168	983.971	1.217.575	57.483	1.275.058	-	
20	65	35.000	35.000	11.280	611.999	29.080	641.079	1.078.744	50.390	1.129.133	1.433.355	67.346	1.500.701	-	
25	70	-	-	20.777	575.058	31.330	606.388	1.406.916	67.454	1.474.370	2.068.084	98.995	2.167.080	-	
26	71	-	-	23.458	560.037	31.800	591.836	1.481.644	71.502	1.553.146	2.223.745	106.915	2.330.660	-	
30	75	-	-	38.642	837.779	33.752	871.532	2.020.727	90.284	2.111.010	3.161.213	145.487	3.306.700	-	
31	76	-	-	8.947	841.326	34.259	875.585	2.141.227	95.701	2.236.928	3.413.359	157.126	3.570.485	-	
35	80	-	-	12.072	848.585	36.362	884.947	2.700.430	120.839	2.821.269	4.641.433	213.814	4.855.246	-	

MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ VỚI CÁC MỨC LÃI SUẤT														Đơn vị tính: nghìn đồng	
Năm HĐ	Tuổi NĐBH 1	Phí BH dự kiến /Năm	Phí phân bổ vào Quỹ LKC	LÃI SUẤT ĐẢM BẢO (Quyền lợi đảm bảo)				LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH 6%/NĂM			LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH 8%/NĂM			Rút tiền mặt	
				Khoản Khấu trừ trong Năm HĐ	GTTK Cơ bản	GTTK Tích lũy	Giá trị Hoàn lại	GTTK Cơ bản	GTTK Tích lũy	Giá trị Hoàn lại	GTTK Cơ bản	GTTK Tích lũy	Giá trị Hoàn lại		
40	85	-	-	20.105	829.851	39.174	869.025	3.610.172	161.736	3.771.907	6.816.820	314.229	7.131.049	-	
45	90	-	-	53.402	704.440	42.205	746.645	4.828.577	216.508	5.045.085	10.015.964	461.900	10.477.864	-	
50	95	-	-	215.495	103.617	45.469	149.086	6.458.567	289.783	6.748.350	14.715.435	678.826	15.394.261	-	
51	96	-	-	HĐ chấm dứt hiệu lực khi GTTKHĐ nhỏ hơn 0				6.845.338	307.170	7.152.507	15.891.919	733.132	16.625.051	-	
54	99	-	-					8.151.842	365.902	8.517.744	20.021.025	923.730	20.944.754	-	

VI. BẢNG MINH HỌA VỀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

MINH HỌA VỀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VỚI CÁC MỨC LÃI SUẤT														Đơn vị tính: nghìn đồng
Năm HĐ	Tuổi NDBH 1	LÃI SUẤT ĐẢM BẢO (Quyền lợi đảm bảo)				LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH 6%/NĂM				LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH 8%/NĂM				Rút tiền mặt
		QL Duy trì Hợp đồng & QL Tuổi vàng	QLBH Bệnh Nan Y	QLBH Tử vong/ TTTBVV	QLBH Tử vong do Tai nạn	QL Duy trì Hợp đồng & QL Tuổi vàng	QLBH Bệnh Nan Y	QLBH Tử vong/ TTTBVV	QLBH Tử vong do Tai nạn	QL Duy trì Hợp đồng & QL Tuổi vàng	QLBH Bệnh Nan Y	QLBH Tử vong/ TTTBVV	QLBH Tử vong do Tai nạn	
1	46	-	500.000	1.001.133	500.000	-	500.000	1.001.166	500.000	-	500.000	1.001.188	500.000	-
2	47	-	500.000	1.002.300	500.000	-	500.000	1.002.402	500.000	-	500.000	1.002.471	500.000	-
3	48	-	500.000	1.003.502	500.000	-	500.000	1.003.712	500.000	-	500.000	1.003.857	500.000	-
4	49	1.131	500.000	1.004.825	500.000	2.313	500.000	1.005.276	500.000	3.130	500.000	1.005.592	500.000	-
5	50	-	500.000	1.006.103	500.000	-	500.000	1.006.760	500.000	-	500.000	1.007.229	500.000	-
6	51	-	500.000	1.007.420	500.000	-	500.000	1.008.332	500.000	-	500.000	1.008.995	500.000	-
7	52	-	500.000	1.008.775	500.000	-	500.000	1.009.997	500.000	-	500.000	1.010.903	500.000	-
8	53	4.750	500.000	1.010.408	500.000	10.264	500.000	1.012.285	500.000	14.414	500.000	1.013.706	500.000	-
9	54	-	500.000	1.011.854	500.000	-	500.000	1.014.190	500.000	-	500.000	1.015.994	500.000	-
10	55	-	500.000	1.013.343	500.000	-	500.000	1.016.208	500.000	-	500.000	1.018.461	500.000	-
11	56	-	500.000	1.014.732	500.000	-	500.000	1.018.346	500.000	-	500.000	1.021.126	500.000	-
12	57	7.269	500.000	1.016.483	500.000	20.922	500.000	1.021.595	500.000	30.984	500.000	1.025.479	500.000	-
13	58	-	500.000	1.017.936	500.000	-	500.000	1.024.061	500.000	-	500.000	1.028.711	500.000	-
14	59	-	500.000	1.019.417	500.000	-	500.000	1.026.670	500.000	-	500.000	1.032.196	500.000	-
15	60	-	500.000	1.020.927	500.000	-	500.000	1.029.437	500.000	-	500.000	1.035.960	500.000	-
16	61	8.165	500.000	1.022.726	500.000	34.858	500.000	1.033.962	500.000	54.906	500.000	1.042.561	500.000	-
17	62	-	500.000	1.024.184	500.000	-	500.000	1.037.172	500.000	-	500.000	1.047.164	500.000	-
18	63	-	500.000	1.025.664	500.000	-	500.000	1.040.568	500.000	-	500.000	1.149.560	500.000	-
19	64	-	500.000	1.027.165	500.000	-	500.000	1.044.168	500.000	-	500.000	1.275.058	500.000	-
20	65	8.690	500.000	1.029.080	500.000	53.626	500.000	1.129.133	500.000	90.344	500.000	1.500.701	500.000	-
25	70	-	500.000	1.031.330	500.000	-	500.000	1.474.370	500.000	-	500.000	2.167.080	500.000	-
26	71	-	500.000	1.031.800	-	-	500.000	1.553.146	-	-	500.000	2.330.660	-	-
30	75	376.534	500.000	1.033.752	-	204.063	500.000	2.111.010	-	191.462	500.000	3.306.700	-	-
31	76	-	-	1.034.259	-	-	-	2.236.928	-	-	-	3.570.485	-	-
35	80	-	-	1.036.362	-	-	-	2.821.269	-	-	-	4.855.246	-	-

MINH HỌA VỀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VỚI CÁC MỨC LÃI SUẤT														Đơn vị tính: nghìn đồng	
Năm HĐ	Tuổi NĐBH 1	LÃI SUẤT ĐẢM BẢO (Quyền lợi đảm bảo)				LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH 6%/NĂM				LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH 8%/NĂM				Rút tiền mặt	
		QL Duy trì Hợp đồng & QL Tuổi vàng	QLBH Bệnh Nan Y	QLBH Tử vong/TTTBVV	QLBH Tử vong do Tai nạn	QL Duy trì Hợp đồng & QL Tuổi vàng	QLBH Bệnh Nan Y	QLBH Tử vong/TTTBVV	QLBH Tử vong do Tai nạn	QL Duy trì Hợp đồng & QL Tuổi vàng	QLBH Bệnh Nan Y	QLBH Tử vong/TTTBVV	QLBH Tử vong do Tai nạn		
40	85	-	-	1.039.174	-	-	-	3.771.908	-	-	-	7.131.049	-	-	
45	90	-	-	1.042.205	-	-	-	5.045.085	-	-	-	10.477.864	-	-	
50	95	-	-	1.045.469	-	-	-	6.748.350	-	-	-	15.394.261	-	-	
51	96	HĐ chấm dứt hiệu lực khi GTTKHĐ nhỏ hơn 0				-	-	7.152.507	-	-	-	16.625.051	-	-	
54	99					-	-	8.517.744	-	-	-	20.944.754	-	-	

TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI KHI ĐÁO HẠN:

Tổng số năm đóng phí (dự kiến):	20 năm	Tổng số phí đóng (dự kiến):	700.000.000 đồng
Số tiền nhận khi đáo hạn (lãi suất 8%):	20.944.754.000 đồng	Tổng số tiền mặt rút (dự kiến):	-
Số tiền nhận khi đáo hạn (lãi suất 6%):	8.517.744.000 đồng		

Ghi chú:

- Các giá trị nêu trong Bảng minh họa được tính toán trên cơ sở cuối Năm hợp đồng với điều kiện Phí bảo hiểm được đóng đủ vào đầu Năm hợp đồng. Các giá trị này có thể thay đổi theo định kỳ đóng phí và tùy thuộc kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung. Các giả định ở mức lãi suất 8%, 6% chỉ có tính chất minh họa.
- Lãi suất đảm bảo là mức lãi suất tối thiểu mà Chubb Life cam kết áp dụng cho GTTKHĐ, bất kể kết quả hoạt động đầu tư từ Quỹ Liên kết chung. Lãi suất đảm bảo là 3%/năm trong 10 Năm hợp đồng đầu tiên, 2%/năm trong 05 Năm hợp đồng tiếp theo và 1,5%/năm trong những Năm hợp đồng còn lại.

GIẢI THÍCH CÁC LOẠI CHI PHÍ KHẤU TRỪ VÀ THUẬT NGỮ LIÊN QUAN

<

Bằng việc ký tên dưới đây, tôi/chúng tôi xác nhận đã đọc và hiểu toàn bộ nội dung của Tài liệu minh họa này kể cả các lưu ý, cũng như đã được Đại diện Kinh doanh (ĐDKD) ký tên dưới đây tư vấn.

- ✓ Hiểu rõ tính chất sản phẩm Kế hoạch Tài chính dành cho cá nhân với Quyền lợi Bảo hiểm Bệnh Nan Y cũng như đã được giải thích về cơ cấu tính phí bảo hiểm mà Chubb Life áp dụng cho Hợp đồng Bảo hiểm.
- ✓ Nhận thức rõ Quyền lợi bảo hiểm, Quyền lợi đầu tư khi tham gia sản phẩm Kế hoạch Tài chính dành cho cá nhân với Quyền lợi Bảo hiểm Bệnh Nan Y.
- ✓ Ý thức rằng việc tham gia sản phẩm Kế hoạch Tài chính dành cho cá nhân với Quyền lợi Bảo hiểm Bệnh Nan Y là một cam kết dài hạn và việc hủy bỏ hợp đồng là không có lợi vì các khoản phí Bên mua Bảo hiểm phải trả rất cao trong thời gian đầu.
- ✓ Hợp đồng Bảo hiểm sẽ chấm dứt hiệu lực khi Phí Bảo hiểm cơ bản không được đóng đầy đủ vào ngày đến hạn đóng phí trong 03 Năm hợp đồng đầu tiên, hoặc khi Giá trị Tài khoản Hợp đồng nhỏ hơn hoặc bằng "0" đồng.
- ✓ Tài liệu minh họa này chỉ mang tính chất tham khảo, không phải là Hợp đồng Bảo hiểm hay Đề nghị giao kết Hợp đồng Bảo hiểm.
- ✓ Tài liệu minh họa sẽ không có giá trị nếu không có đủ số trang đã nêu.

Bên mua Bảo hiểm
(Vui lòng ghi họ tên bằng chữ thường)

Chữ ký

Ngày/tháng/năm

Tôi xác nhận chữ ký trên đây được Bên mua Bảo hiểm ghi trong Tài liệu minh họa này ký trước sự chứng kiến của tôi.

ĐDKD tư vấn

Mã số ĐDKD

Chữ ký

Ngày/tháng/năm